TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28– 11 -2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý
2. Ông Nguyễn Văn Ngần

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:**Ông Lê Đức Thọ– Kiểm sát viên.

Ngày 28tháng11 năm 2018tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2018/TLST-HNGĐ ngày 09tháng 8năm 2018về *"Ly hôn tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX - ST ngày 26 tháng 10năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Dương Chí Q, sinh năm: 1993 (có mặt)

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nguyên đơn, bị đơn cùng trú tại: khu phố T, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Chí Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Q và chị T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Long Phước, thị xã Phước Long. Trong quá trình chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến chị T thường bỏ nhà đi.Anh Q, chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm ai.Xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Ngọc.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Q và chị Tcó một người con chung tên Dương Văn L, sinh ngày 11/8/2017. Hiện cháu L đang được anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, châm sóc nên khi ly hôn anh Q có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Q trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tụcquy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

-Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227Bộ luật tố tụng dân sự;điểm akhoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Chí Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiệnyêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong vụ án,bị đơn có nơi cư trú tại khu phố T, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệlần thứ hai đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T để tham gia phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Chí Q và chị Nguyễn Thị Cẩm T kết hôn trên cơ sở tự nguyện,đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Long

Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 02/2014. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh Q và chị T chung sống không hạnh phúc,thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã nhau. Vì mâu thuẫn vợ chồng nên chị T thường xuyên bỏ nhà đi, hiện anh Q và chị T đã sống ly thân, không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, phận ai đó sống. Qua xác minh tại địa phương được biết:trong cuộc sống vợ chồnganh Q và chị T thường xuyên cãi vã, chị T không quan tâm đến gia đình. Từ đầu năm 2018 hai vợ chồng đã sống ly thân.Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa anh Q và chị T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Dương Chí Q có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 xử cho anh Q được ly hôn với chị T.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Q và chị T có một người con chung tên Dương Văn L, sinh ngày 11/8/2017. Theo yêu câu cầu của anh Q muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì từ khi chị T bỏ đi, cháu L do anh trực tiếp nuôi dưỡng, ông bà nội phụ giúp nuôi dưỡng cháu nhưng vẫn đảm bảo việc chăm sóc tốt cho cháu L. Qua xác minh tại địa phương con chung do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến nay; ngoài ra anh Q có nơi ở, công việc, nguồn thu nhập ổn định. Tuy cháu L dưới 36 tháng tuổi nhưng từ khi chị T bỏ đi đã không trông nom, chăm sóc con, do vậy chị T không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh Q trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản2 Điều 53;Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Dương Chí Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

-Về con chung: anh Dương Chí Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Văn L, sinh ngày 11/8/2017cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: anh Dương Chí Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo Biên lai thu số 0006077 ngày 09/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đoncó mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa